

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu, tiền thân là Công ty TNHH Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó, với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 8 năm 2007.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: 208-210 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 15 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, thiết bị tin học. Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy Fax, tổng đài FABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học - mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông - mạng viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang web. Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyên giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC Đẩu

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám Đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Võ Hùng Anh	Phó Tổng Giám Đốc Tổng vụ

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

Số: 10.146A/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị
Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2010

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		191.433.558.762	177.204.790.519
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.448.385.515	14.200.150.467
1. Tiền	111		9.448.385.515	14.200.150.467
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	5.2	144.526.145.474	108.756.161.419
1. Phải thu khách hàng	131		139.582.414.503	101.293.080.380
2. Trả trước cho người bán	132		3.966.629.666	6.701.030.110
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		17.101.305	71.491.258
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		960.000.000	690.559.671
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	30.490.712.644	44.278.388.551
1. Hàng tồn kho	141		30.490.712.644	44.278.388.551
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.968.315.129	9.970.090.082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.819.822.502	2.600.238.018
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		780.702.990	1.294.010.869
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.367.789.637	6.075.841.195

(Phần tiếp theo trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.372.644.756	45.746.382.154
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		30.528.375.137	30.473.432.154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	8.146.935.694	8.886.827.482
+ Nguyên giá	222		17.222.269.307	15.946.458.420
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.075.333.613)	(7.059.630.938)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	11.540.056.601	11.760.932.019
+ Nguyên giá	228		12.607.116.530	12.607.116.530
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.067.059.929)	(846.184.511)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	10.841.382.842	9.825.672.653
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	17.844.269.619	15.272.950.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.929.067.050	11.714.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.224.000.000	3.558.950.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		400.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.708.797.431)	
V. Đầu tư dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		239.806.203.518	222.951.172.673

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		181.476.069.091	167.911.457.060
I. Nợ ngắn hạn	310		181.476.069.091	163.689.234.839
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	98.855.325.362	68.809.686.961
2. Phải trả người bán	312	5.10	59.693.356.401	65.820.570.576
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	19.410.207.218	17.083.569.404
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.11	1.169.566.358	9.332.116.762
5. Phải trả người lao động	315	5.12	1.152.518.866	1.472.788.469
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317		17.101.305	71.491.258
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.13	1.177.993.581	1.099.011.409
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330			4.222.222.221
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			4.222.222.221
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.330.134.427	55.039.715.613
I. Vốn chủ sở hữu	410		58.330.134.427	55.039.715.613
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.14.2	43.198.040.000	37.563.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.14.1	7.960.553.900	7.960.553.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.14.1	(330.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.14.1	(991.369.527)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.14.1	349.878.228	349.878.228
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.14.1	1.075.056.573	525.710.169
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.14.1	6.738.305.253	8.639.783.316
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		239.806.203.518	222.951.172.673

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		100,77	249,25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		313.277.089.797	323.034.010.978
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		313.277.089.797	323.034.010.978
4. Giá vốn hàng bán	11		261.187.717.730	267.188.163.145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.089.372.067	55.845.847.833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	1.218.217.260	7.695.169.002
7. Chi phí tài chính	22	6.2	10.967.417.819	14.748.795.227
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.533.014.246	9.294.676.935
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	13.065.603.827	14.592.525.294
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	24.469.819.433	17.871.117.274
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.804.748.248	16.328.579.040
11. Thu nhập khác	31		375.073.793	1.007.268.310
12. Chi phí khác	32	6.5	324.388.602	826.960.774
13. Lợi nhuận khác	40		50.685.191	180.307.536
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.855.433.439	16.508.886.576
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	683.475.098	4.231.283.475
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.171.958.341	12.277.603.101

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		269.839.491.227	398.824.428.804
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(271.482.265.762)	(373.014.770.063)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.823.500.560)	(13.963.013.442)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.533.014.246)	(9.943.603.623)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.802.426.317)	(1.566.203.225)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.204.859.716	11.748.381.543
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(324.388.602)	(21.556.100.624)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		(28.921.244.544)	(9.470.880.630)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(3.568.723.995)	(11.253.725.688)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		50.035.439	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.413.445.332)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		301.553.445	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.039.067.050)	(4.954.530.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.538.950.000	8.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		775.166.461	148.810.978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đầu tư	30		(1.355.531.032)	(8.009.444.710)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		224.977.748.551	149.785.022.623
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(199.452.737.927)	(115.790.746.083)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(7.402.681.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		25.525.010.624	26.591.595.540
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.751.764.952)	9.111.270.200
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	14.200.150.467	5.088.880.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	9.448.385.515	14.200.150.467

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty), tiền thân là Công ty TNHH Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó, với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 8 năm 2007.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: 208-210 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 15 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, thiết bị tin học. Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gởi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy Fax, tổng đài FABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học - mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông - mạng viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang web. Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyên giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư vào ngày khóa sổ năm tài chính được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2009
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
+ Máy móc thiết bị	2 – 3 năm
+ Phần mềm kế toán	3 năm

4.5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi bán. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức từ các khoản đầu tư và được ghi nhận khi quyền của cổ đông đối với việc nhận khoản lợi tức này được thiết lập.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Ngoài ra, theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài Chính, Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của quý IV năm 2008 và số thuế TNDN phải nộp của năm 2009
- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.210.589.830	61.739.400
Tiền gửi ngân hàng	7.232.811.604	14.138.411.067
Tiền đang chuyển	4.984.081	-
Tổng cộng	<u>9.448.385.515</u>	<u>14.200.150.467</u>

5.2. Các khoản phải thu

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	139.582.414.503	101.293.080.380
Trả trước cho người bán	3.966.629.666	6.701.030.110
Phải thu nội bộ ngắn hạn	17.101.305	71.491.258
Các khoản phải thu khác	960.000.000	690.559.671
Tổng cộng	<u>144.526.145.474</u>	<u>108.756.161.419</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác là khoản phải thu về chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần Giải pháp Kinh doanh Sao Bắc Đầu.

5.3. Hàng hóa tồn kho

Là giá trị hàng hóa tồn kho tại các địa điểm sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Kho tại công ty	8.909.492.817	7.171.264.293
Kho hàng đã xuất kho giao cho khách hàng	20.785.711.351	36.634.619.353
Kho theo dõi hàng cho thuê	729.513.343	444.499.960
Kho theo dõi hàng Hà Nội	65.995.133	28.004.945
Tổng cộng	<u>30.490.712.644</u>	<u>44.278.388.551</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.743.463.714	1.596.291.755
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.624.325.923	4.479.549.440
Tổng cộng	<u>3.367.789.637</u>	<u>6.075.841.195</u>

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.968.540.511	10.977.917.909	-	15.946.458.420
Mua trong kỳ	-	2.518.275.744	253.100.014	2.771.375.758
Thanh lý, nhượng bán	-	1.270.591.902	-	1.270.591.902
Xóa sổ	-	224.972.969	-	224.972.969
Số dư cuối năm	<u>4.968.540.511</u>	<u>12.000.628.782</u>	<u>253.100.014</u>	<u>17.222.269.307</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	662.919.392	6.396.711.546	-	7.059.630.938
Khấu hao trong năm	343.595.904	3.002.685.323	56.244.450	3.402.525.677
Thanh lý, nhượng bán	-	1.270.591.902	-	1.270.591.902
Xóa sổ	-	116.231.100	-	116.231.100
Số dư cuối năm	<u>1.006.515.296</u>	<u>8.012.573.867</u>	<u>56.244.450</u>	<u>9.075.333.613</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	4.305.621.119	4.581.206.363	-	8.886.827.482
Tại ngày cuối năm	<u>3.962.025.215</u>	<u>3.988.054.915</u>	<u>196.855.564</u>	<u>8.146.935.694</u>

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.621.140.067 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 3.951.711.884 đồng như được đề cập tại mục 5.9 của thuyết minh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.516.569.200	1.090.547.330	12.607.116.530
Mua trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>11.516.569.200</u>	<u>1.090.547.330</u>	<u>12.607.116.530</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	846.184.511	846.184.511
Khấu hao trong năm	-	220.875.418	220.875.418
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>1.067.059.929</u>	<u>1.067.059.929</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>11.516.569.200</u>	<u>244.362.819</u>	<u>11.760.932.019</u>
Tại ngày cuối năm	<u>11.516.569.200</u>	<u>23.487.401</u>	<u>11.540.056.601</u>

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như đã nêu tại mục 5.9 của thuyết minh này.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án Trung tâm tích hợp hệ thống tại Khu Chế Xuất Tân Thuận	10.841.382.842	9.810.201.346
- Tiền thuê đất	8.975.326.000	8.975.326.000
- Chi phí lãi vay	1.822.161.206	834.875.346
- Phí thuê định giá	43.895.636	-
Khác	-	15.471.307
Tổng cộng	<u>10.841.382.842</u>	<u>9.825.672.653</u>

Theo Giao ước số 175/TTC-NV.07 ngày 27/11/2007 với Công ty TNHH Tân Thuận, Công ty thuê lô đất U.12b-16a, đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận với tổng giá trị tiền thuê trong 34 năm là 1.080.000 USD. Đến ngày 31/12/2009, Công ty đã thanh toán 50% giá trị giao ước (tương đương 540.000 USD), số tiền còn lại được thanh toán trong 5 năm với lãi suất 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	17.929.067.050	11.714.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	1.224.000.000	3.558.950.000
Đầu tư dài hạn khác	<u>400.000.000</u>	<u>-</u>
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	19.553.067.050	15.272.950.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(1.708.797.431)</u>	<u>(-)</u>
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>17.844.269.619</u>	<u>15.272.950.000</u>

Danh sách các công ty con, công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Vốn góp đến 31/12/2009	Tỷ lệ góp vốn
Công ty con		
+ Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công	9.639.067.050	67,22%
+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo Netpro	4.950.000.000	99,00%
+ Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Thông tin Việt	2.940.000.000	98,00%
+ Công ty Cổ phần Học viện Sao Bắc Đầu	<u>400.000.000</u>	49,5%
Tổng cộng	<u>17.929.067.050</u>	
Công ty liên kết		
+ Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Tích hợp Sao Bắc Đầu	<u>1.224.000.000</u>	48,85%
Tổng cộng	<u>1.224.000.000</u>	

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Học viện Sao Bắc Đầu có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu lần lượt là 49,5% và 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Số lượng	Giá trị dự phòng tại ngày 31/12/2009
CTCP Công nghệ mạng và Thông tin Việt	294.000	(765.986.057)
CTCP Công nghệ mạng Việt Thành Công	963.907	<u>(942.811.374)</u>
Tổng cộng		<u>(1.708.797.431)</u>

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	86.093.909.941	52.957.947.507
Vay cá nhân	12.761.415.421	14.444.332.047
Vay dài hạn đến hạn trả	-	<u>1.407.407.407</u>
Tổng cộng	<u>98.855.325.362</u>	<u>68.809.686.961</u>

Vay ngắn hạn ngân hàng chịu lãi suất từ 0,78%/tháng đến 1,06%/tháng đối với VND và từ 0,37%/tháng đến 0,79%/tháng đối với USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất có giá trị còn lại lần lượt là 3.951.711.884 đồng và 11.516.569.200 đồng (xem mục 5.5 và 5.6).

- Tín chấp quản lý nguồn thu phát sinh từ các hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và một số nhóm khách hàng đặc biệt.

Vay ngắn hạn cá nhân là các khoản vay tín chấp có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 10%/năm đến 11%/năm đối với VND.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	59.693.356.401	65.820.570.576
Người mua trả tiền trước	<u>19.410.207.218</u>	<u>17.083.569.404</u>
Tổng cộng	<u>79.103.563.619</u>	<u>82.904.139.980</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	202.181.609	4.113.722.728
Thuế nhập khẩu	111.185.561	1.208.945.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp	704.917.356	3.802.426.317
Thuế thu nhập cá nhân	<u>151.281.832</u>	<u>207.021.759</u>
Tổng cộng	<u>1.169.566.358</u>	<u>9.332.116.762</u>

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 năm 2009 phải trả.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
BHXH, BHYT, KPCĐ	622.818.441	301.436.979
Doanh thu chưa thực hiện	-	753.435.855
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>555.175.140</u>	<u>44.138.575</u>
Tổng cộng	<u>1.177.993.581</u>	<u>1.099.011.409</u>

(Phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	37.563.790.000	7.960.553.900			349.878.228	93.419.877	4.029.602.920
Tăng vốn trong năm trước							
Lợi nhuận trong năm trước							12.277.603.101
Chia cổ tức							(7.402.681.000)
Trích lập quỹ						545.814.190	(545.814.190)
Sử dụng quỹ						(113.523.898)	
Khác							281.072.485
Số dư đầu năm nay	37.563.790.000	7.960.553.900			349.878.228	525.710.169	8.639.783.316
Tăng vốn trong năm nay	5.634.250.000						
Lợi nhuận trong năm nay							4.171.958.341
Mua lại cổ phiếu			(330.000)				
Chia cổ tức							(5.634.250.000)
Trích lập quỹ						549.346.404	(549.346.404)
Sử dụng quỹ							
Đánh giá số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ				(991.369.527)			
Khác				(991.369.527)			110.160.000
Số dư cuối năm nay	43.198.040.000	7.960.553.900	(330.000)	(991.369.527)	349.878.228	1.075.056.573	6.738.305.253

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	21.880.630.000	50,65	19.586.900.000	52,14
Cổ đông khác	21.317.410.000	49,35	17.976.890.000	47,86
Tổng cộng	43.198.040.000	100,00	37.563.790.000	100,00

5.14.3 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	5.634.250.000	7.402.681.000

Cổ tức đã chia trong năm nay là cổ tức của năm 2008, được chia với tỷ 15%/vốn chủ sở hữu và chia bằng cổ phiếu. Cổ tức năm 2009 sẽ được công bố sau khi tổ chức Đại hội cổ đông năm 2010.

5.14.4 Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	4.319.804	3.756.379
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	4.319.804	3.756.379
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	33	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	4.319.771	3.756.379
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.		

(Phần tiếp theo trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	119.629.048	138.826.643
Chênh lệch tỷ giá	844.143.768	356.342.359
Doanh thu từ chuyển nhượng vốn	<u>254.444.444</u>	<u>7.200.000.000</u>
Tổng cộng	<u>1.218.217.260</u>	<u>7.695.169.002</u>

6.2. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.533.014.246	9.294.676.935
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.708.797.431	-
Chênh lệch tỷ giá	<u>2.725.606.142</u>	<u>5.454.118.292</u>
Tổng cộng	<u>10.967.417.819</u>	<u>14.748.795.227</u>

6.3. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	6.557.181.708	6.928.832.232
Chi phí công cụ dụng cụ	-	11.050.388
Chi phí đồ dùng văn phòng	211.689.730	203.320.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.242.273.441	571.885.259
Chi phí bảo hành	349.604.661	229.027.571
Chi phí Pre-sales	1.492.648.200	1.552.061.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	459.779.115	382.094.394
Chi phí bằng tiền khác	<u>2.752.426.972</u>	<u>4.714.253.583</u>
Tổng cộng	<u>13.065.603.827</u>	<u>14.592.525.294</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.597.095.029	10.890.098.341
Chi phí công cụ quản lý	370.976.940	462.756.929
Chi phí đồ dùng văn phòng	125.416.192	83.786.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.381.083.381	1.529.134.384
Chi phí thuế, phí, lệ phí	88.783.121	12.160.891
Phí chuyển tiền	518.967.106	240.402.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.402.556.473	1.575.943.003
Chi phí bằng tiền khác	<u>2.984.941.191</u>	<u>3.076.834.986</u>
Tổng cộng	<u>24.469.819.433</u>	<u>17.871.117.274</u>

6.5. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	101.941.153	48.885.509
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	-	289.064.440
Xử lý nợ khó đòi	-	229.711.106
Chi phí khác	<u>222.447.449</u>	<u>259.299.719</u>
Tổng cộng	<u>324.388.602</u>	<u>826.960.774</u>

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	683.475.098	4.231.283.475
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	<u>-</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>683.475.098</u>	<u>4.231.283.475</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	715.684.606	380.653.777
Lương Tổng Giám đốc	<u>451.260.120</u>	<u>439.394.171</u>
Tổng cộng	<u>1.166.944.726</u>	<u>820.047.948</u>

8. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có kỳ hạn từ 5 đến 34 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	-	-

Tại ngày 31/12/2009, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.179.640.844	-
Trên 1 năm đến 5 năm	4.718.563.376	4.718.563.376
Trên 5 năm	<u>5.898.204.220</u>	<u>7.077.845.064</u>
Tổng cộng	<u>11.796.408.440</u>	<u>11.796.408.440</u>

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2010.

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN